

LEÓPOLD MICHEL CADIÈRE VỚI VĂN HOÁ, TÍN NGƯỠNG NGƯỜI VIỆT

ĐỖ TRINH HUỆ^(*)

Léopold Michel Cadière sinh tại Aix-en-Provence (Pháp) ngày 14 tháng 2 năm 1869, trong một gia đình nông dân khiêm tốn. Cadière trải qua tuổi thơ ấu đạm bạc, nghèo nàn, lao nhọc, với một người cha cần cù công việc đồng áng và một người mẹ chăm lo đời sống tinh thần con cái. Tuy không biết chữ, bà vẫn gây ấn tượng mạnh trong quá trình giáo dục cậu con trai. Sau này, khi đã trở thành một nhà nghiên cứu uyên thâm được nhiều người biết đến, Cadière thường nhắc đến mẹ một cách thân thương, quý mến, coi mẹ như một nguồn lực chính đào tạo đời mình: “Tuy vậy, mẹ tôi không biết nhứt một chữ A chữ B nào cả, ngay cả kí tên cũng không được”⁽¹⁾.

Phải chăng môi trường nông nghiệp ấy đã giao thoa triển nở văn hoá để hai bờ Đông-Tây gặp gỡ với những thông hiểu hội tụ? Nhân dịp mừng Kim Khánh (50 năm), vừa 50 năm thụ phong linh mục, vừa tròn nửa thế kỉ được sống và làm việc ở Việt Nam (1892-1942), Cadière ghi nhận: “Thuộc tầng lớp nông dân, rồi sống ở Việt Nam, tôi đã có thể thấy rằng nông dân Pháp và nông dân Việt Nam giống nhau lạ lùng: Bên này cũng như bên kia, từng ý tưởng vụn vặt của cuộc sống hằng ngày, của đồng áng, chợ đồ, của những bữa cơm thường nhật, của làng mạc... Mặc nữa, bên này cũng như bên kia,

những tình cảm cao cả, tình yêu thương sâu đậm của gia đình, giúp đỡ tương trợ lẫn nhau, cần cù trong công việc, nhẫn nhục trong cuộc sống nghèo hèn và khổ cực mỗi ngày (...). Tôi đã thấy được và cảm phục niềm vui sống, sự hoan hỉ tâm trí hồn nhiên (...) mặc dù họ thật vất vả, nhọc nhằn suốt hàng giờ và hàng ngày tròn”⁽²⁾.

Léopold Cadière là linh mục thuộc Hội Thừa sai Paris (MEP), đến Việt Nam vào ngày 3 tháng 12 năm 1892, năm 23 tuổi, chỉ mấy ngày sau thì mẹ mất. Nén nỗi đau thương, không thể về được để tiễn đưa thân mẫu, ông dồn tâm trí vào công việc mới để dẹp lòng người quá cố.

Ở Huế, L. Cadière may mắn có một vị bề trên như Giám mục Gaspar, người đã khai hướng cho ông “về các nghiên cứu ngôn ngữ, lịch sử, dân tộc học và tôn giáo”⁽³⁾. Vị Giám mục này đã từng là tác giả các quyển *Tự điển Hán - Việt*, *Ngôn ngữ nhập môn* và luôn theo đuổi ý định nghiên cứu về phong tục, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo của người Việt. Cadière ghi nhận: “Đó là một nhà bác học. Tôi học Người rất nhiều. Chính

*. Nhà nghiên cứu, Huế.

1. G. Lefas. *Bulletin des Missions Etrangères de Paris (BMEP)*, tr. 3.

2. *Lời tựa trong Crovances et Pratiques Religieuses des Vietnamiens*, Tập I, Saigon 1958, tr.8.

3. G.Lefas. *BMEP*. Sdd, tr. 6.

Người đã dẫn nhập tôi về các nghiên cứu ngôn ngữ, lịch sử và khoa học tôn giáo. Người đã khai mào, khích lệ hướng dẫn tôi. Không những Người am tường khoa học ngôn ngữ và chữ Hán, mà còn rất tường tận về mặt lịch sử của xứ này⁽⁴⁾. Ngay cả quan niệm học tiếng Việt của Cadière cũng toát lên một tâm tình rất nhân bản. Ông không xem đó chỉ là một công cụ, một ngưỡng cửa để hội nhập, mà là một tâm tình, một hành vi ứng xử, một lối sống chan hoà, một cảm thông đích thực để từ đó hiểu và thương cảm lẫn nhau. “Học tiếng Việt, không phải để nói tiếng Việt giỏi giống như họ, mà còn phải tâm tư nghĩ suy như họ”⁽⁵⁾.

Các lĩnh vực nghiên cứu của Cadière rất phong phú và đa dạng: ngôn ngữ, tín ngưỡng, địa lí nhân văn, kể cả giao thông thuỷ lợi, du lịch... và đặc biệt về văn hoá và dân tộc học...⁽⁶⁾. Ông đã để lại trên dưới 250 công trình, trong đó các công trình về văn hoá, tín ngưỡng, gia đình Việt Nam, nói tắt thuộc lĩnh vực dân tộc học và xã hội học tôn giáo là những ấn phẩm đậm nét nhất. “Có thể nói Cadière là một trong những người đã đặt nền móng cho việc nghiên cứu Việt Nam đầu thế kỉ này (...). Cuộc đời và sự nghiệp của Cadière đáng cho tất cả những ai quan tâm đến môn Việt Nam học, dù là người Việt hay người nước ngoài, phải kính cẩn suy ngẫm”⁽⁷⁾.

Một trong những công việc nổi bật nhất của Cadière là đã lập ra *Hội Đô Thành Hiếu Cổ* (Association des Amis du Vieux Hué) - dịch sát nghĩa là *Hội Những người bạn Hué xưa*. Tập san của Hội là tờ *Bulletin des Amis du Vieux Hué* mà ông là chủ bút. Tờ báo ra đều đặn mỗi năm 4

số trong suốt 30 năm, mặc dù năm đầu tiên (1914) cũng là năm khởi đầu của Thế Chiến thứ I (1914 - 1918) và năm cuối cùng (1944) lại là năm tàn khốc của Thế Chiến thứ II (1939-1945) trước hồi kết thúc.

Tháng 3 năm 1945, Nhật chiếm đóng Đông Dương, ông bị quản thúc tại Huế (15 tháng). Đến chính biến 19/12/1946, ông lại bị quản thúc ở Vinh từ tháng 1/1947 đến tháng 3/1953. Được đề nghị trở về Pháp, Léopold Cadière lúc ấy đã 84 tuổi, một mực từ chối: “Cả đời tôi, tôi đã dâng hiến cho xứ sở này rồi. Cho tôi được ở lại và chết ở đây”⁽⁸⁾. Và ông đã được toại nguyện trút hơi thở cuối cùng ngày 6 tháng 7 năm 1955 tại Huế. Phần mộ ông hiện ở trong nghĩa trang của Đại Chung viện Xuân Bích Kim Long, tuy khiêm tốn giản dị như chính cuộc đời ông, nhưng không thiếu trang nghiêm và nét thân thương với bóng mát tre xanh của làng Kim Long đầy yên tĩnh, xa chốn phồn vinh, dù cách kinh thành chỉ hơn một cây số.

VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nhà dân tộc, nhà xã hội học tôn giáo và nhà ngôn ngữ này luôn làm việc trên chứng cứ hiện thực của cuộc sống, của kinh nghiệm bản thân, từ các sự kiện mắt thấy tai nghe, từ những góc thành,

4. Bernard - Maitre. *Le R.P Cadière*. BMEP, tr.37.

5. Cadière. *Souvenirs d'un vieil Annamitisant*. Indochine 1942, tr.44.

6. Về ấn phẩm của Léopold Cadière, xin xem: Đỗ Trinh Huệ. *Văn hoá, tín ngưỡng, gia đình Việt Nam qua nhãn quan của học giả L. Cadière*. Nxb Thuận Hoá, 2000, tr. 22-65.

7. *Về văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt*. Nxb Văn hoá Thông tin. Hà Nội 1977.

8. Nguyễn Tiến Lãng. *Au R.P Léopold Cadière*. BMEP, tr.20.

hòn đá, cỏ cây: “Đó là bức tranh sống thực thấy được không phải do những du khách tham quan một số đền đài miếu vũ hay nhà bác học nào đó tìm tòi tham khảo các văn bản liên quan, mà là của những người thường xuyên chứng kiến những thể hiện tín ngưỡng thường nhật của đời sống tôn giáo người Việt”⁽⁹⁾.

Ông nghiên cứu trực tiếp những thông tục, và từ những con người tắm gội trong các thông tục ấy, chứ không dựa vào các sử liệu có sẵn, để rồi sắp xếp chọn lọc, rút tĩa ra cái chung nhất, kiểm chứng và so sánh các tư liệu giá trị làm cơ sở cho những kết luận rất có tính cách thuyết phục của mình.

Ông trực tiếp quan sát người thiếu phụ tang trắng đang thực hành các nghi lễ hiếu sự ở nghĩa địa gần núi Ngự Bình – Huế, thâm nhập vào các nghi lễ gia đình như một thành viên, tìm hiểu tận mắt những quy thức hôn nhân để từ đó xét đến cơ cấu xã hội của người Việt bằng cách đối chiếu với các bộ luật của Việt Nam⁽¹⁰⁾.

Để tìm hiểu tín ngưỡng người Việt, tác giả đã ghi nhận những truyện kể ở những làng Cù Lạc, Thanh Hà, làng Tróc... với các nhân chứng tại chỗ: ông Xôi, ông Dương, chú Nhượng hoặc ông Bé làng Bùng, chú Hạp người Nội Hà... Để hiểu rõ các phép thuật trừ tà ma, Cadière đã sống tại thực địa ở Quảng Trị nhân mùa dịch tả, quan sát từng gốc đa; chăm chú theo dõi những thực hành dân gian với chú lính gác vái lạy trước bia đá Đông Thành Thủy Quan ở Kinh Thành, đồng thời kết hợp với lễ tế của hàng Vương Đế tại Nam Giao với từng nghi thức lớn nhỏ⁽¹¹⁾.

Mồ mả vua chúa được nghiên cứu đã đành, nhưng phần mộ dân gian từ phần đất cho đến mộ bi, cách bài trí cũng được chi li tìm hiểu từ đó rút ra những quy ước, thông tục có tính cách nhất quán, phản ánh một xã hội có tổ chức⁽¹²⁾.

Trong việc nghiên cứu văn hoá, tập quán, thông tục của một dân tộc thì một trong những đòi hỏi hàng đầu là phải am tường ngôn ngữ liên quan. Dĩ nhiên, ngôn ngữ cũng như những cổ tích khai quật cũng chỉ là phương tiện, nhưng là những phương tiện tất yếu. Các linh mục thừa sai thường được dặn dò kĩ lưỡng “cần phải biết tiếng bản xứ và phải biết tới nơi tới chốn”. Không phải chỉ là ngôn ngữ bác học, mà ngôn ngữ bình dân thường gọi

9. Cadière. *Croyances et Pratiques religieuses des Vietnamiens*. Quyển I, tr.1-2. Xem thêm: *Nhân sinh quan dân gian người Việt*. Bulletin de l'Extrême-Orient B.E.F.E.O. Hà Nội I.E.O 1914, tr.147-161. *Triết học dân gian người Việt: Vũ trụ quan*. Quyển XII. Revue Indochinoise. Hà Nội; I.E.O 1909, tr.835-847, 974-989. 1189-1216.

10. Xem: *Gia đình và đạo giáo ở Việt Nam*. BAVH, Hà Nội, IEO 1930, tr.353-413. *Bộ luật Hồng Đức thế kỉ XV*. Bản dịch Thọ Mai Gia Lễ của E.C Lessenrteur. *Khảo luận về tinh thần luật Hán - Việt* của Trần Văn Chương. *Phụ quyền trong Luật An Nam* của Hồ Đắc Diễm. *Tư pháp ở Annam xưa* của Raymond Delousta. *Annam Pháp Điển* của Philastre. *Các đại thác di sản trong Luật An Nam*, Hương Hỏa của Trần Văn Liên...

11. Xem: *Phép dưỡng thuật nhi ma thuật ở Việt Nam*. CPRV, Quyển II, tr.198-212. *Tín ngưỡng và ngạn ngữ dân gian vùng thung lũng Nguồn Sơn*. CPRV, Quyển II, tr.213-263. *Về một vài sự kiện tôn giáo nhân một mùa dịch tả ở Việt Nam*. Anthropos V, 1910 tr.519-529; in lại trong CPRV quyển I, tr. 195-243. *Tín ngưỡng và thực hành tôn giáo của người Việt vùng quanh Huế*. B.E.F.E.O, Hanoi I.E.O 1918, số 7 tr.1-60; 1919 số 2, tr.1-115. *Tế Nam Giao*. BAVH, in lại trong C.P.R.V Quyển II, tr. 85-128.

12. Xem: *Mồ mả người Việt vùng quanh Huế*. BAVH, Hanoi, I.E.O XV, 1928, tr.1-99. *Lăng Gia Long*. BAVH, được in lại trong CPRV, Quyển I, tr.153-177.

trộn sắc thái văn hoá một cách đầy đủ, nhất là trong ngôn ngữ dân gian. Về mặt này, Cadière tỏ ra đặc biệt xuất sắc. Với 27 năm sống ở Di Loan, Quảng Bình, Cadière đã thu thập được một lượng ngôn ngữ bình dân đáng kể, gói ghém những suy nghĩ, đượm văn hoá và tín ngưỡng. Không những chỉ uyên sâu tiếng Việt, Cadière còn rất giỏi chữ Hán, nhờ đó ông thông hiểu sâu xa những tầng ẩn ý vị của đối tượng nghiên cứu⁽¹³⁾.

Chỉ xin dẫn chứng một vài ví dụ để minh chứng độ khả tín và mang tính khoa học trong việc tiếp cận và nghiên cứu của Cadière. Trong quá trình đọc các tư liệu của ông, chúng ta nhận thấy sự đồng bộ trong suy diễn, thậm chí được lặp lại nhiều lần rất có tính cách thuyết phục.

Tâm thức tiếp cận với văn hoá, tín ngưỡng

Cadière tiếp cận các vấn đề liên quan không phải với tâm thức bàng quan mà với một thái độ mang nặng *tình cảm tâm giao*, một tư thế *nhập cuộc* hoặc đúng ra là *một người trong cuộc*... mới quan sát được những *ứng xử sâu thẳm* của tâm hồn dân tộc mà mình đang nghiên cứu và tìm thấy được qua kho tàng tích lũy văn hoá dân gian hoặc bác học những *tiềm ẩn bản vị* (archétype) hình thành trong huyết quản và đang tác động thể hiện dưới nhiều dạng thức khác biệt, có khi minh thị, có khi bàng bạc mông lung. Bernard-Maitre S.J. đã ghi nhận một cách cảm phục các quan điểm rất nhân bản về thái độ ứng xử của Cadière đối với chính quyền, đối với các nền văn hoá dân tộc, và đối với các tôn giáo truyền thống⁽¹⁴⁾.

Ta không bình luận về điểm thứ nhất vì đó là thái độ ứng xử khôn ngoan mang tính ngoại giao chính trị cần phải có. Nhưng để đạt hai điểm sau thì cần phải có một cái *tâm* rất chan hoà, một sự *kính trọng* thật sự những giá trị nhân bản hoàn toàn xa lạ với những tiềm ẩn bản vị trong ta, không có hoặc không tạo ra những kích điểm đụng chạm (impact) mà chỉ là những gặp gỡ chan hoà. Thật ra, đây là những thử thách lớn nhất đối với các nhà truyền giáo, chung quy cũng do tính quy chiếu ở cả hai phía mà những ngộ nhận thường bắt đầu xuất hiện làm tha hoá nền móng nhân bản vốn hội tụ hơn là tách biệt. Một số những tác động khách quan đã đi vào lịch sử. Nhưng có lẽ L.Cadière đã tránh xa được những đáng tiếc xảy ra. Những tâm tư phương cách tiếp cận của Cadière (chúng tôi muốn tránh từ *phương pháp*) xem ra thật đơn giản nhưng cũng hiếm người đạt được:

“Tôi hiểu người Việt bởi lẽ tôi đã nghiên cứu những gì liên quan đến họ. Tôi học tiếng họ từ ngày tôi mới đến (...) và nhận thấy rằng tiếng Việt rất tinh tế về mặt cấu trúc và cũng không nên xem nhẹ sự phong phú về từ ngữ như có người suy nghĩ.

Tôi đã nghiên cứu tín ngưỡng, các thực hành tôn giáo, phong tục tập quán của họ và phải thừa nhận rằng người Việt

13. Xem: *Tín ngưỡng và ngôn ngữ dân gian vùng thung lũng Nguồn Sơn*. BAVH, in lại trong CPRV, Quyển II tr.213-263. *Thổ ngữ Trung Bộ, khảo lược ngữ âm*. BEFEO, 1911, số 1-2 tr.67-110. *Về một vài quy thức tự duy của người Việt qua ngôn ngữ*. Extrême-Asie, Saigon 1925 tr. 251-258. *Cứ pháp tiếng Việt*. E.F.E.O, Tập XLII.

14. Bernard-Maitre S.J. *BEMP*. Sdd, tr.41.

rất sâu sắc về tôn giáo, tín ngưỡng của họ trong sáng và khi họ cầu cứu đến Trời, tế tự Trời, thì cũng có thể họ cùng đến với cùng một Đấng toàn năng mà chính tôi đang thờ kính và gọi bằng Chúa (...).

Tôi đã nghiên cứu lịch sử của họ (...) và nhận thấy rằng đất nước Việt Nam, từ nguyên thủy đã không ngừng nung nấu một ý hướng cao về phát triển và tiến bộ, đã miệt mài theo đuổi thực hiện ý hướng ấy với bao hào hùng, can đảm và linh hoạt thích ứng vào từng hoàn cảnh trên con đường tiến bước của mình.

Tôi yêu mến họ vì trí thông minh (...). Tôi yêu mến họ vì những đức hạnh tinh thần (...).

Sau cùng, tôi yêu mến họ vì họ khổ. Biết bao khổ ải lâm than; những khốn cùng đôi khi phải cam chịu đã đành, nhưng thường là do định mệnh khắc khe vô tình⁽¹⁵⁾.

Thật đúng như nhận định của Georges Coedès: “Những lời thân thương ấy của Cadière thấm toả trong toàn bộ công trình khoa học của ông, rất nhân bản, rất sâu đậm nồng ấm đối với dân tộc mà ông trọn đời cống hiến trong công tác mục vụ và nghiên cứu của mình”⁽¹⁶⁾.

Có thể nói, Cadière là một trong những người đã theo đúng Huấn dụ năm 1695 của Thánh bộ Truyền bá Đức Tin, khi cử ba giám mục đến Đàng Ngoài, Đàng Trong và Nam Kinh:

“Chư huynh đừng bao giờ muốn sửa đổi, đừng tìm lí lẽ nào để buộc dân chúng sửa đổi những phép xã giao, tập tục, phong hoá của họ, trừ khi hiển nhiên mâu thuẫn với đạo thánh và luân lí. Có gì bỉ ổi hơn khi mang theo cả nước Pháp,

Tây Ban Nha, nước Ý hay bất cứ nước nào khác bên trời Âu sang cho dân Á Đông chăng? (...) Vậy đừng bao giờ nên đem những tục lệ Âu châu đến đối lập với tục lệ của các dân tộc ấy, trái lại hãy hết lòng sống cho quen với tập tục của họ”⁽¹⁷⁾.

Công việc của một nhà truyền giáo đòi hỏi phải tiếp cận và tìm hiểu tôn giáo bản xứ. Sau khi nghiên cứu kĩ đạo Khổng, đạo Lão, đạo Phật, Cadière đi vào chiều sâu tiềm ẩn hành xử của người Việt về phương diện tôn giáo. Thật ít người thấy được một cách tinh tế và thú vị qua hình ảnh dây mơ rễ má chằng chịt trong cảm thức tín ngưỡng của người Việt như Cadière, và đặc biệt với một nhãn quan tình cảm thông hiểu hoàn toàn tích cực:

“Tôn giáo người Việt cho ta cái cảm nhận y như khi ta lạc vào dãy núi Trường Sơn: Đây đó những thân cây khổng lồ, đâm rễ đi tới đâu nào ai biết được, chúng đỡ nâng cả một chòm lá phủ tràn bóng mát; những cành cây sà xuống mặt đất, lại đâm rễ, chằng chịt; dây leo tứ bề bò cây này sang cây khác, chẳng biết gốc rễ từ đâu, và cứ thế mãi như vô tận, chẳng bao giờ dứt; loài ngầy loài dum chen chúc đủ loại gai góc, chẳng biết đâu là đường đi lối vào; những chồi non mềm mại hiếm thấy, những bông hoa đại đoá rộng cánh điệu kì, có thứ phủ mặt đất, có thứ điểm rộ tận chóp cây cao (...); những thân vỏ xám xịt, bầy nhầy rùng mình; những cành khô; một lớp thảm dày phấn thổ,

15. *Lời tựa trong Croyances et Pratiques Religieuses des Vietnamiens*, Tập I, Saigon 1958, tr.8-9.

16. Georges Coedès. *Bulletin des Mission Etrangères de Paris BMEP*. tr.17.

17. Trích bản dịch của Đại chủng Viện Xuân Bích Huế. *Linh mục Nguyệt san*. Số 43, tháng 7/1965, tr.435-436.

thối mục; nơi nơi là tinh lực, nơi nơi là nhựa sống phủ trùm, choáng ngập.

Cũng vậy, nơi người Việt, ở các giai tầng xã hội, tâm thức tôn giáo thể hiện một cách mãnh liệt và chế ngự toàn thể cuộc sống con người: tâm thức ấy trong mỗi hành vi thường nhật, trọng đại hay bé nhỏ, kết thành một mạng lưới chằng chịt qua các biểu hiện thực hành, khi thì hoành tráng lễ nghi ở đền đài miếu vũ công khai, khi thì âm thầm nhẹ nhàng giây lát bên gốc cây, hòn đá (...). Đạo Phật gắn gũi với đạo Lão trên một nền tảng tín ngưỡng hồn linh (Animisme). Và cái đa dạng khách quan ấy phức tạp thêm vì cả một chuỗi thực hành tùy nơi tùy chỗ khó lòng nghiên cứu được một cách trọn vẹn, thể như cả một cánh rừng lớn ẩn chứa nhiều loài cây cỏ không ai biết trước được⁽¹⁸⁾.

Cadière không quá tự cao với những gì mình có trong quá trình đào tạo hoặc mang tư tưởng công dân nước lớn, đem cái biểu mẫu của mình để áp đặt lên thân phận nhược tiểu của dân tộc bị trị. Bài tham luận của ông về “Gia đình và đạo giáo ở Việt Nam” trình bày trong buổi *Hội thảo quốc tế về dân tộc học tôn giáo* tại Luxembourg đã gây nên tiếng vang lớn trước một cử tọa người Âu, vào thời mà Tây phương đang hùng mạnh, văn hoá Pháp còn là khuôn vàng thước ngọc cho nhiều người. Quê hương ông, trưởng nữ của Giáo hội, đang trĩu nặng *nhiệm vụ* được trao ban, như là ngọn đuốc khai sáng nhân loại, thì lại có một công dân Pháp thách đố quả quyết với cử tọa rằng:

“Ngày nay văn minh Tây phương chen vào làm đảo lộn phân tán gia đình (...). Người Việt không phải – chưa phải – là một kẻ mất gốc, lang thang phiêu bạt, một cá thể ngập chìm trong đám đông không định hình của xã hội, như nền xã hội công nghiệp đã từng sản sinh ra không biết bao nhiêu tại Châu Âu. Người Việt cho dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng thuộc về một họ, tức gia đình theo nghĩa rộng, tổ chức vững chắc, liên kết chặt chẽ bằng huyết thống, bằng những quyền lợi vật chất, bằng những niềm tin tôn giáo, bằng các mối dây luân lí của cộng đồng⁽¹⁹⁾.”

Là người Châu Âu, sau khi nghiên cứu gia đình người Việt, thấy những phẩm chất vượt trội để duy trì phong hóa đạo đức, Cadière có một ước nguyện thật chân thành:

“... Xin đưa ra một lời ước nguyện là xin đừng sử dụng bất cứ biện pháp nào có nguy cơ làm suy yếu gia đình tại Việt Nam này, song trái lại hãy củng cố nó bằng mọi cách. Than ôi! Liệu có được chăng! Liệu có kháng cự nổi những biến đổi với biết bao là mãnh lực!”⁽²⁰⁾.

Chúng tôi xin được kết thúc bài viết bằng lời mong ước gói trọn tâm thức tiếp cận với văn hóa, tín ngưỡng của Cadière. Mong thay, điều ước nguyện trên đây của một người nước ngoài là điều mong ước của mỗi người Việt Nam chúng ta hôm nay./.

18. *Lời tựa trong Croyances et Pratiques Religieuses des Vietnamiens*, Tập I, Saigon 1958, tr. 1-2.

19. Cadière. *Gia đình và đạo giáo ở Việt Nam*. Quyển I. CPRV, 1958, Sdd, tr.58.

20. Cadière, Sdd, tr. 84.